

BẢNG BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG THÁNG 06 NĂM 2026

Đơn vị tính: Đồng

Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Giá phổ biến kỳ báo cáo	Giá bình quân kỳ trước	Giá bình quân kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin
01	LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM				-	-			
01.001	Thóc tẻ		đ/kg		12,000	11,000	-1,000	-8.33	Do trực tiếp điều tra, thu thập
01.002	Gạo tẻ		đ/kg		15,000	14,000	-1,000	-6.67	Do trực tiếp điều tra, thu thập
01.003	Thịt lợn hơi (Thịt heo hơi)		đ/kg		90,000	90,000	0	0.00	Do trực tiếp điều tra, thu thập
01.004	Thịt lợn nạc thăn (Thịt heo nạc thăn)		đ/kg		170,000	170,000	0	0.00	Do trực tiếp điều tra, thu thập
01.005	Thịt bò thăn	Loại 1 hoặc phổ biến	đ/kg		240,000	240,000	0	0.00	Do trực tiếp điều tra, thu thập
01.006	Thịt bò bắp	Bắp hoa hoặc bắp lõi, loại 200 – 300 gram/ cái	đ/kg		240,000	240,000	0	0.00	Do trực tiếp điều tra, thu thập
01.007	Gà ta	Còn sống, loại 1,5 – 2kg /1 con hoặc phổ biến	đ/kg		165,000	160,000	-5,000	-3.03	Do trực tiếp điều tra, thu thập
01.008	Gà công nghiệp	Làm sẵn, nguyên con, bỏ lòng, loại 1,5 – 2kg /1 con hoặc phổ biến	đ/kg		80,000	80,000	0	0.00	Trực tiếp điều tra thu thập
01.009	Cá quả (cá lóc)	Loại 2 con/1 kg hoặc phổ biến	đ/kg						
01.010	Cá chép	Loại 2 con/1 kg hoặc phổ biến	đ/kg		80,000	80,000	0	0.00	Do trực tiếp điều tra, thu thập
01.011	Tôm thẻ chân trắng	Loại 28-30con/kg	đ/kg						
01.011	Bắp cải trắng	Loại to vừa khoảng 0,5-1kg/bắp	đ/kg		10,000	10,000	0	0.00	Do trực tiếp điều tra, thu thập
01.012	Cải xanh	Cải ngọt hoặc cải cay theo mùa	đ/kg		10,000	10,000	0	0.00	Do trực tiếp điều tra, thu thập
01.013	Bí xanh	Quả từ 1-2 kg hoặc phổ biến	đ/kg		15,000	15,000	0	0.00	Do trực tiếp điều tra, thu thập
01.014	Cà chua	Quả to vừa, 8-10 quả/kg	đ/kg		35,000	35,000	0	0.00	Do trực tiếp điều tra, thu thập

Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Giá phổ biến kỳ báo cáo	Giá bình quân kỳ trước	Giá bình quân kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin
01.015	Giò lụa	Loại 1kg	đ/kg		150,000	150,000	0	0.00	Do trực tiếp điều tra, thu thập
01.016	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện		đ/kg		27,000	27,000	0	0.00	Do trực tiếp điều tra, thu thập
02	VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP								
02.001	Phân đạm, phân DAP, phân NPK	Phân đạm Urê giá một bao 670.000 đồng/50kg	đ/kg						
03	DỊCH VỤ Y TẾ								
03.001	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước								
04	GIAO THÔNG								
04.001	Trông giữ xe máy		đ/lượt						
05	DỊCH VỤ GIÁO DỤC								
05.001	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục		Đồng/tháng						

Sính Phình, ngày 24 tháng 6 năm 2026

Người Lập

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Minh Thùy

Vũ Ngọc Nam